

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 26/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện Ngân Hàng TMCP B trình bày: ông Nguyễn Văn H có ký 02 hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0532000018600 ngày 04/08/2020, chi tiết như sau:

- Số tiền vay : 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng chẵn).
- Mục đích vay : Vay tiêu dùng phục vụ đời sống.
- Thời hạn vay : 84 tháng
- Lãi suất cho vay : Được ghi cụ thể trên giấy nhận nợ

Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0532000025000 ngày 12/10/2020 với số tiền vay: 4.000.000.000 đồng. (Bốn tỷ đồng).

Ông Nguyễn Văn H đã ký với B giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số: 05320000067TD ngày 05/08/2020 với hạn mức thẻ: 150,000,000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất được quy định trong hợp đồng mở thẻ của B.

Để đảm bảo cho hai hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng ông Nguyễn Văn H có ký với Ngân Hàng TMCP B Hợp đồng thế chấp số 0532000018700, ngày kí 04/8/2020; Hợp đồng thế chấp số 0532000025100 ngày 13/10/ 2020; Và ký cam kết bảo đảm bằng tài sản ngày 13/10/2020

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, B đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn H và 02 (hai) Giấy nhận nợ số 0532000025000001 số tiền 4.000.000.000 đồng; Giấy nhận nợ số 0532000018600001 số tiền 3.000.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng chẵn).

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 05320000067 TD ngày 14/8/2020 Ngân Hàng TMCP B phê duyệt cấp thẻ hạn mức 150.000.000 đồng trong tài khoản loại thẻ Visa Platinum, JCB Platinum.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn H không trả nợ đầy đủ, đúng hạn cho B. B đã nhiều lần liên hệ, đốc thúc ông H thanh toán nhưng đến nay ông Nguyễn Văn H vẫn không thanh toán nợ vay cho B. Vì vậy, ông Nguyễn Văn H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các cam kết đã ký với B.

Tạm tính đến ngày 26/08/2025, tổng nghĩa vụ nợ mà ông Nguyễn Văn H đã thực hiện được tại B là: 5.772.449.361 đồng. Trong đó trả gốc là: 2.816.807.000 đồng, trả lãi là: 2.955.642.361 đồng.

Tổng nghĩa vụ nợ còn lại của ông Nguyễn Văn H tại B tạm tính đến ngày 26/08/2025 là: 4.728.304.579 đồng (Bốn tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng). Trong đó: Dư nợ khoản vay theo HĐTD số 0532000018600 ngày 04/08/2020: Nợ gốc : 1.107.105.000 đồng; Lãi trong hạn : 73.591.377 đồng; Lãi phạt chậm lãi 2.158.643 đồng; Lãi phạt chậm gốc: 13.537.565 đồng. Tổng : 1.196.392.585 đồng; Dư nợ khoản vay theo HĐTD số 0532000025000 ngày 12/10/2020: Nợ gốc : 3.076.088.000 đồng, lãi trong hạn : 331.205.681đồng, lãi phạt chậm lãi 13.536.180 đồng, lãi phạt chậm gốc: 9.110.170

đồng.; tổng : 3.429.940.031 đồng; Dư nợ khoản thẻ tín dụng: Nợ gốc :73.884.620 đồng, lãi 28.087.343 đồng. Tổng 101.971.963 đồng.

Do ông H đã vi phạm cam kết với Ngân hàng và đồng ý cam kết dùng tài sản đã thế chấp để trừ nợ khi không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nên Ngân Hàng TMCP B yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải trả ngay cho B tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 26/08/2025 là: 4.728.304.579 đồng (Bằng chữ: *Bốn tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng*).

Đồng thời ông Nguyễn Văn H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng và Giấy nhận nợ, Giấy đề nghị mở thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ và các cam kết đã ký với B, tính kể từ ngày 13/08/2025 đến ngày trả dứt nợ.

Nếu ông Nguyễn Văn H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0532000018700 ngày 04/08/2020, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0532000025100 ngày 13/10/2020 để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ tại B thì ông Nguyễn Văn H vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả hết số tiền nợ còn thiếu cho B. Ông H phải chịu chi phí tố tụng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trong quá trình giải quyết vụ án không có mặt ở địa phương nhưng được Tòa án thành phố Gò Công, Tòa án nhân dân Khu Vực 2 - Đồng Tháp thông báo về việc Ngân Hàng Thương Mại cổ phần B kiện ông Nguyễn Văn H yêu cầu trả nợ còn thiếu trong các hợp đồng tín dụng mà ông H đã ký kết với Ngân Hàng B Tòa án nhân dân Khu Vực 2 - Đồng Tháp tiến hành niêm yết đã thông báo thụ lý vụ án và giao các Giấy triệu tập, thông báo của Tòa án niêm yết tại nơi cư trú, tại UBND xã, phường nơi ông Nguyễn Văn H cư trú theo quy định. Nhưng ông Nguyễn Văn H không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như không đưa ra yêu cầu phản tố.

Tòa án nhân dân Khu Vực 2- Đồng Tháp tiến hành niêm yết Thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, niêm yết Thông Báo Kết quả phiên họp. Niêm yết theo quy định quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 317, 318, 319, 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B tổng số tiền nợ tính đến ngày 26/8/2025 là 4.512.168.664, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật và lãi suất phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

Buộc ông H có nghĩa vụ trả cho Ngân Hàng chi phí tố tụng.

Về án phí: ông H chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, về quan hệ tranh chấp Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn H. Theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự phải có nghĩa vụ tôn trọng Tòa án, phải có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, việc bị đơn không đến Tòa án làm việc được coi là đã từ bỏ quyền lợi của mình về việc được nêu quan điểm, ý kiến và cung cấp chứng cứ chứng minh. Theo Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa chỉ căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu mà Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về Thủ tục tố tụng Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp vẫn tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của Ngân Hàng Thương Mại cổ phần kèm theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

[3.1] Về nợ gốc, lãi : Ngày 04/8/2020 ông H vay Ngân Hàng 3.000.000.000 đồng; Ngày 12/10/2020 ông H vay Ngân Hàng 4.000.000.000 đồng; Ngày 05/8/2020 ông H đề nghị Ngân Hàng cấp thẻ tín dụng hạn mức 150.000.000 đồng. Quá trình thực hiện ông H có trả được cho Ngân Hàng tạm tính đến ngày 26/08/2025, tổng nghĩa vụ nợ mà ông Nguyễn Văn H đã thực hiện được tại B là: 5.772.449.361 đồng. Trong đó trả gốc là: 2.816.807.000 đồng, trả lãi là: 2.955.642.361 đồng.

Ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân Hàng nên ông H còn phải trả cho

Ngân Hàng Thương Mại Cổ phần B tạm tính đến ngày 26/08/2025 là: 4.728.304.579 đồng (*Bốn tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng*). Trong đó: Dư nợ khoản vay theo HĐTD số 0532000018600 ngày 04/08/2020: Nợ gốc : 1.107.105.000 đồng; Lãi trong hạn : 73.591.377 đồng; Lãi phạt chậm lãi 2.158.643 đồng; Lãi phạt chậm gốc: 13.537.565 đồng. Tổng : 1.196.392.585 đồng; Dư nợ khoản vay theo HĐTD số 0532000025000 ngày 12/10/2020: Nợ gốc : 3.076.088.000 đồng lãi trong hạn : 331.205.681 đồng, lãi phạt chậm lãi 13.536.180 đồng, lãi phạt chậm gốc: 9.110.170 đồng.; tổng : 3.429.940.031 đồng; Dư nợ khoản thẻ tín dụng: Nợ gốc :73.884.620 đồng, lãi 28.087.343 đồng. Tổng 101.971.963 đồng. Do ông H đã vi phạm cam kết với Ngân hàng và đồng ý cam kết dùng tài sản đã thế chấp để trừ nợ khi không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nên Ngân Hàng TMCP B yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải trả ngay cho B tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 26/08/2025 là: 4.728.304.579 đồng Bằng chữ :(*Bốn tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng*).

Hội đồng xét xử nhận thấy hai Hợp đồng tín dụng đã nói trên và hợp đồng kèm đề nghị cấp thẻ tín dụng được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật tại Điều 99, Điều 100, Điều 101, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết.

[3.2] Về các khoản lãi: lãi phạt chậm lãi, lãi phạt chậm gốc được tính : Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “...Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật”. Theo hợp đồng tín dụng thì lãi suất cho vay là từ 9,5%/năm, được điều chỉnh khi có thay đổi theo thông báo của Ngân Hàng B trong từng thời kỳ và lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn trên số nợ gốc thực tế chưa thanh toán. Xét thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng trên không trái với quy định của Bộ luật dân sự 2015, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 cũng như quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng nên có hiệu lực.

Từ những nhận định trên, cần buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng thương Mại B toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh, tạm tính đến ngày 26/08/2025 là: 4.728.304.579 đồng (*Bốn tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng*). Trong đó: Dư nợ khoản vay theo HĐTD số 0532000018600 ngày 04/08/2020: Nợ gốc : 1.107.105.000 đồng; Lãi trong hạn : 73.591.377 đồng; Lãi phạt chậm lãi 2.158.643 đồng; Lãi phạt chậm gốc: 13.537.565 đồng. Tổng : 1.196.392.585 đồng; Dư nợ khoản vay theo HĐTD số 0532000025000 ngày 12/10/2020: Nợ gốc : 3.076.088.000 đồng lãi trong hạn : 331.205.681 đồng, lãi phạt chậm lãi 13.536.180 đồng, lãi phạt chậm gốc: 9.110.170 đồng.; tổng : 3.429.940.031 đồng; Dư nợ khoản thẻ tín dụng: Nợ gốc :73.884.620 đồng, lãi 28.087.343 đồng. Tổng 101.971.963 đồng.

Tổng cộng số tiền phải trả **4.728.304.579** đồng

Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Kể từ ngày 27/8/2025 ông H còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền phải thanh toán trả Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng.

[3.3] Xét yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm:

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0532000018700 ngày 04/08/2020, được công chứng tại số công chứng 005787 do Văn phòng công chứng P, tỉnh Tiền Giang chứng nhận; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn Phòng đăng Ký đất đai thị xã G, tỉnh Tiền Giang (nay chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực - Đồng Tháp.)

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0532000025100 ngày 13/10/2020, được công chứng tại số công chứng: 008273 do Văn phòng công chứng P, tỉnh Tiền Giang chứng nhận, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Tiền Giang. (nay chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực - Đồng Tháp.)

Tài sản trên được thế chấp cho B. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ tại B thì ông Nguyễn Văn H vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả hết số tiền nợ còn thiếu cho B. Ông H phải chịu chi phí tố tụng.

Xét tính pháp lý hợp đồng thế chấp trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung cũng như hình thức của pháp luật dân sự về giao dịch bảo đảm được quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163. Theo đó thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật thi hành. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015 và phù hợp với các thỏa thuận của hợp đồng thế chấp, Được ông H cam kết bảo đảm bằng tài sản ngày 13 tháng 10 năm 2020 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về Chi phí tố tụng: Ngân Hàng B đã tạm ứng chi phí xem xét tại chỗ là 1.000.000 đồng. ông Nguyễn Văn H Phải chịu chi xem xét tại chỗ theo khoản 1 Điều 157 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Đồng Tháp phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 99, Điều 100, Điều 103 Điều 105 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 Điều khoản 2 Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại cổ phần B

Buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP B, tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/8/2025 là: **4.728.304.579** đồng (*Bốn tỉ bảy trăm hai mươi tám triệu ba trăm lẻ bốn ngàn năm trăm bảy mươi chín đồng*)

Hợp đồng tín dụng số 0532000018600 ngày 04/8/2020 nợ gốc 1.107.105.000 đồng, lãi trong hạn 73.591.377 đồng, lãi phạt chậm lãi 2.158.643 đồng, lãi phạt chậm gốc 13.537.565 đồng. Tổng cộng 1.196.392.585 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 0532000025000 ngày 12/10/2020 nợ gốc 3.076.088.000 đồng, lãi trong hạn 331.205.681 đồng, lãi phạt chậm lãi 13.536.180 đồng, lãi phạt chậm gốc 9.110.170 đồng. Tổng cộng 3.429.940.031 đồng. Dư nợ thẻ tín dụng số 05320000067TP ngày 05/8/2020 số tiền 101.971.963 đồng trong đó nợ gốc 73.884.620 đồng và lãi 28.087.343 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/8/2025 cho đến khi thi hành án xong ông Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Văn H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Ngân hàng Thương Mại Cổ phần B có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp là: Hợp đồng thế chấp số 0532000018700 ngày 04/08/2020; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0532000025100 ngày 13/10/2020.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ tại B thì ông Nguyễn Văn H vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả hết số tiền nợ còn thiếu cho B.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H phải chịu 112.728.304 đồng (*Một trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn ba trăm lẻ bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí 56.300.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS thành phố Gò Công theo biên lai số 0001313 ngày 07/3/2025 (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

Về Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B chi phí xem xét tại chỗ là 1.000.000 đồng.

4. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị An Thư